



lǎo shào

老少

noun phrase · old and young

Example Sentences

zhè ge huó dòng lǎo shào jiē yí
这个活动老少皆宜。

This activity is suitable for both old and young.

gōng yuán lǐ lǎo shào dōu zài duàn liàn shēn tǐ
公园里老少都在锻炼身体。

In the park, both old and young are exercising.

Trace each character, then write the word on your own.

老	老	老	老	老	老	老	老	老		
少	少	少	少	少	少	少				